

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt “Quy hoạch phát triển sản xuất sản phẩm cao su Việt Nam
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hoá chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển sản xuất sản phẩm cao su Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển sản xuất các sản phẩm cao su trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, tăng cường và sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu trong nước, phát huy những lợi thế và tiềm năng phát triển, đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững.

b) Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào một số sản phẩm cao su có lợi thế cạnh tranh đồng thời từng bước phát triển các sản phẩm chất lượng cao, các sản phẩm ứng dụng trong các ngành công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tận dụng lợi thế cạnh tranh khi Việt Nam tham gia các Hiệp định

thương mại quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung

Xây dựng và phát huy các nguồn lực để phát triển sản xuất sản phẩm cao su Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, giảm tỷ trọng nhập khẩu, tăng cường xuất khẩu.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị SXCN sản xuất sản phẩm cao su giai đoạn 2015 – 2020 đạt 14 – 15%; giai đoạn 2021 – 2025 đạt 15% và 12% trong giai đoạn 2026 – 2035;

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm của sản xuất sản phẩm cao su giai đoạn 2015 – 2020 đạt 15,4%; duy trì tăng trưởng 15,4% trong giai đoạn 2021 – 2025; giai đoạn 2026 – 2035 đạt 12%;

- Tỷ trọng giá trị SXCN sản xuất sản phẩm cao su trong toàn ngành công nghiệp hóa chất đạt 23% vào năm 2020, 23,5% vào năm 2025, và đạt 24% vào năm 2035;

- Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cao su đến năm 2020 đạt 750 triệu USD, năm 2025 đạt 1 tỷ USD, giữ vững tốc độ tăng trưởng bình quân 7,2%/năm và đạt 2 tỷ USD vào năm 2035;

- Phần đầu đến năm 2020, hầu hết các cơ sở sản xuất sản phẩm cao su có nhu cầu sử dụng nguyên liệu cao su thiên nhiên sẽ sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước để sản xuất.

3. Định hướng phát triển

Áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại đối với các dây chuyền công nghệ đầu tư mới. Sử dụng tối đa nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, tận dụng các lợi thế cạnh tranh, chế tạo các sản phẩm có chất lượng cao và đẩy mạnh xuất khẩu.

4. Quy hoạch phát triển sản xuất sản phẩm cao su Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

4.1. Quy hoạch phát triển đến năm 2025

a) Giai đoạn đến năm 2020

Bên cạnh một số dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước, đề xuất thực hiện một số các dự án phát triển sản xuất sản phẩm cao su như sau:

- Đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng, đổi mới công nghệ và thiết bị tại các cơ sở sản xuất sản phẩm cao su hiện có trong nước, chú trọng nâng cao chất lượng lớp xe máy có săm và không săm, đẩy mạnh sản xuất săm ô tô, xe máy bằng cao su butyl nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước;

- Mở rộng nhà máy sản xuất lốp radial xe con, xe tải nhẹ tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng, nâng tổng công suất lên 49.000 lốp xe/ngày, định hướng xuất khẩu 100% sản phẩm;

- Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất lốp radial xe con, xe tải nhẹ tại Bình Dương lên 6,3 triệu lốp/năm nhằm phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ 5 – 10% sản lượng tại thị trường trong nước; Mở rộng nâng công suất nhà máy sản xuất lốp xe tải radial tại Đà Nẵng lên 1,2 – 1,8 triệu lốp/năm;

- Đầu tư nhà máy sản xuất lốp radial bán thép xe con tại Bình Dương với công suất 4 triệu lốp/năm nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu khoảng 30 – 40% sản lượng. Đầu tư nhà máy sản xuất lốp radial xe con với công suất 4 – 5 triệu lốp/năm tại miền Trung với phương án xuất khẩu 50% sản lượng còn lại tiêu thụ tại thị trường trong nước và đầu tư nhà máy sản xuất lốp radial xe tải tại miền Bắc, công suất 300.000 lốp/năm;

- Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngành công nghiệp sản xuất ô tô Việt Nam giai đoạn 2015 – 2020, đầu tư xây dựng một nhà máy sản xuất sản phẩm cao su kỹ thuật với công suất 1 triệu sản phẩm/năm tại miền Nam theo 2 phương án: xây dựng mới hoặc bổ sung dây chuyền sản xuất trong 1 nhà máy sản xuất săm lốp hiện có nhằm tận dụng trang thiết bị sẵn có của nhà máy. Sản phẩm chủ lực là gioăng, phớt, vòng đệm, chi tiết, phụ tùng lắp ráp mới và thay thế cho công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy;

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thanh thép, sợi thép công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm tại khu vực miền Trung hoặc miền Nam;

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất than đen công suất 115.000 tấn/năm tại khu vực phía Nam nhằm đáp ứng cho các cơ sở sản xuất sản phẩm cao su tại Việt Nam.

b) Giai đoạn 2021 đến 2025

- Xây dựng nhà máy sản xuất băng tải và dây cua-roa có công suất 500.000 m²/năm băng tải và 1 triệu m/năm dây cua-roa với công nghệ và thiết bị tiên tiến, kết hợp dùng sợi nilon, sợi thép và cao su tổng hợp tại miền Trung để đáp ứng nhu cầu trong nước;

- Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất lốp ô tô radial tại miền Bắc lên 600.000 lốp/năm.

4.2. Tầm nhìn đến năm 2035

- Lập phương án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất lốp ô tô radial với quy mô công suất 12 – 15 triệu bộ/năm tại miền Nam nhằm đón đầu nhu cầu 24 triệu lốp radial trong nước đến năm 2035;

- Lập phương án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất băng tải và dây cua-

roa lõi sợi thép công suất 1 triệu m²/năm băng tải và 2 triệu m/năm dây cua-roa với công nghệ và thiết bị tiên tiến, kết hợp dùng sợi nilon, sợi thép và cao su tổng hợp tại miền Nam.

Danh mục các dự án đầu tư trong Quy hoạch phát triển sản xuất sản phẩm cao su Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

5. Các giải pháp và cơ chế chính sách thực hiện Quy hoạch

5.1. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, nghiên cứu sản phẩm mới, áp dụng công nghệ mới sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật, đặc biệt là các sản phẩm áp dụng cho ngành công nghệ cao;

- Hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng sản xuất sản phẩm cao su đủ mạnh để sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, thân thiện với môi trường, xây dựng được thương hiệu có uy tín trên thị trường trong nước và trên thế giới;

- Thành lập Trung tâm nghiên cứu công nghệ cao su, chuyên trách nghiên cứu phát triển công nghệ, thử nghiệm và nâng cao chất lượng cũng như đa dạng hóa chủng loại sản phẩm cao su nhằm thúc đẩy sản xuất, giảm tối đa sự phụ thuộc vào công nghệ kỹ thuật nước ngoài.

5.2. Giải pháp phát triển và đảm bảo nguồn nhân lực

- Đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ tại các Viện nghiên cứu chuyên ngành, các bộ phận phụ trách kỹ thuật, công nghệ, quản lý của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm cao su;

- Tăng cường công tác đào tạo chuyên ngành cao su tại các trường Đại học, Cao đẳng và Dạy nghề, đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, bám sát nhu cầu thực tế;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc đào tạo nhân lực quản lý vận hành dự án sản xuất sản phẩm cao su. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tham gia hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

5.3. Nâng cao năng lực hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm

- Rà soát và hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành cho các sản phẩm cao su Việt Nam, trước hết là các tiêu chuẩn sản phẩm sẫm lớp, băng tải, cua-roa và các sản phẩm cao su khác theo tiêu chuẩn và quy chuẩn của khu vực và quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng sản phẩm cao su, đồng thời tạo rào cản kỹ thuật đối với các hình thức gian lận thương mại nhằm tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các sản phẩm trong nước và nhập khẩu;

- Đầu tư nâng cấp các hệ thống đánh giá, kiểm định chất lượng sản phẩm cao su tại các cơ quan kiểm nghiệm chất lượng có thẩm quyền;

- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng cao su thiên nhiên sơ chế tại Việt Nam, tiến đến các lô hàng sản xuất và xuất khẩu đều phải đính kèm giấy chứng nhận kiểm phẩm. Hỗ trợ khu vực tư nhân nâng cao chất lượng cao su nguyên liệu nhằm đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế qua các Chương trình khuyến nông, khuyến công.

5.4. Giải pháp về thị trường

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra, nghiên cứu, dự báo thị trường để có các dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời về thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến xuất khẩu, bao gồm tất cả các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng, đặc biệt chú trọng tới nhu cầu và đặc tính tiêu dùng của các thị trường, tạo cơ sở cho việc phát huy các lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại quốc tế. Tích cực tham gia các Chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước;

- Các doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển thương hiệu sản phẩm, có chiến lược phát triển lâu dài để giữ vững và phát triển thị phần, nâng cao chất lượng sản phẩm, không ngừng cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, củng cố và phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm.

5.5. Giải pháp về đầu tư

- Huy động mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, từ nhiều thành phần kinh tế;

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất kết hợp đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng. Ưu tiên đầu tư sản xuất nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm cao su dùng trong các lĩnh vực công nghệ cao;

- Các dự án đầu tư mới, mở rộng nâng công suất phải có sự chấp thuận của Bộ Công Thương về chủ trương đầu tư, thị phần tiêu thụ trong nước.

5.6. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Ưu tiên phát triển các dự án áp dụng công nghệ mới, thân thiện môi trường, ít chất thải, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu; và tái sử dụng các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất;

- Đẩy mạnh quá trình di dời, tập trung các nhà máy sản xuất sản phẩm cao su vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm quản lý tập trung, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường;

- Sử dụng lại tối đa thành phần có thể thu hồi được trong chất thải để giảm lượng chất thải và giảm tiêu hao tài nguyên thiên nhiên. Chỉ xử lý hoặc chôn lấp chất thải khi được coi là chất thải không thể tái sử dụng lại. Phát triển công nghệ

tái chế chất thải. Xây dựng giải pháp, kế hoạch thu hồi các sản phẩm đã qua sử dụng nhằm tái chế hoặc có biện pháp xử lý thích hợp giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường;

- Thực hiện đánh giá rủi ro hóa chất, xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất, kiểm soát chặt chẽ những hóa chất có mức độ độc hại cao tại các cơ sở sản xuất sản phẩm cao su theo các quy định hiện hành.

5.7. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

a) Chính sách xúc tiến đầu tư

Công bố danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trong từng thời kỳ để các nhà đầu tư lựa chọn các phương án đầu tư thích hợp.

b) Chính sách về tài chính

Có cơ chế hỗ trợ tích cực cho các hoạt động khoa học công nghệ, hình thành doanh nghiệp mới, tiếp cận thị trường và phát triển thị trường mới.

c) Chính sách về thuế

- Cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi về thuế đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cao su kỹ thuật;

- Xem xét giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào đối với van săm xe, màng lưu hóa và các mặt hàng trong nước sản xuất được nhưng chất lượng chưa cao và chỉ dùng làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các sản phẩm cao su, không sử dụng được cho mục đích tiêu dùng khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố Quy hoạch và chỉ đạo hướng dẫn triển khai thực hiện Quy hoạch, cụ thể:

a) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi thực hiện Quy hoạch, giám sát chuyên ngành việc đáp ứng các điều kiện đầu tư và quản lý nhà nước đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

b) Phối hợp chặt chẽ với Tập đoàn Hoá chất Việt Nam, Tập đoàn Cao su Việt Nam, Hiệp hội Cao su Việt Nam và các cơ quan liên quan chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo vùng lãnh thổ theo đúng định hướng.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Tư pháp và các Bộ liên quan theo chức năng phối hợp với Bộ Công Thương cụ thể hoá các giải pháp và cơ chế chính sách nêu trong Quy hoạch này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện Quy hoạch phát triển sản xuất sản phẩm cao su Việt Nam đồng bộ và phù hợp với các quy hoạch liên quan của địa phương. Lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Công Thương trước khi cấp phép đầu tư

đối với các dự án mới, dự án mở rộng sản xuất sản phẩm cao su và thay đổi tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

4. Các Hội và Hiệp hội tăng cường vai trò liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp, với Bộ Công Thương trong việc đề xuất các cơ chế chính sách phát triển sản xuất sản phẩm cao su Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở Công Thương các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện, Trung tâm thuộc Bộ;
- Hiệp hội Cao su VN, Hội Hóa học VN;
- Tập đoàn: Hóa chất VN, Cao su VN; Dầu khí VN; Than-Khoáng sản VN;
- Công thông tin Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, HC (5 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Quốc Vượng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CAO SU VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4665 /QĐ-BCT

Ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất	Thời điểm đầu tư
I	Giai đoạn đến 2020			
A	Các dự án chuyển tiếp			
1	Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm	KCN Liên Chiểu - Đà Nẵng	600.000 lốp/năm	2009-2017
2	Dự án nhà máy sản xuất lốp xe tải radial toàn thép công suất 1.000.000 lốp /năm	Bình Dương	1 triệu lốp/năm	2012-2020
B	Các dự án xây dựng mới			
3	Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất lốp xe máy không săm, săm ô tô, xe máy bằng cao su butyl tại các cơ sở sản xuất hiện có	Các cơ sở hiện có	*	2015-2020
4	Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất lốp radial (xe con) (**)	KCN Đình Vũ - Hải Phòng	49.000 lốp/ngày	2015-2017
5	Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất lốp radial (xe con) (**)	Bình Dương	6,3 triệu lốp/năm	2015-2020
6	Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất lốp xe tải radial	Miền Trung	1,2 - 1,8 triệu lốp/năm	2018-2019
7	Dự án nhà máy sản xuất lốp xe radial bán thép (xe con) (**)	Miền Nam	4 triệu lốp /năm	2016-2020
8	Dự án nhà máy sản xuất lốp xe tải radial (**)	Miền Bắc	300.000 lốp/năm	2016-2022
9	Dự án nhà máy sản xuất lốp radial (xe con) (**)	Miền Trung	4 - 5 triệu lốp /năm	2019-2022

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất	Thời điểm đầu tư
10	Dự án nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật	Miền Nam	1 triệu sản phẩm/năm	2016-2020
11	Dự án nhà máy sản xuất thanh thép, sợi thép	Miền Trung/miền Nam	10.000 tấn/năm	2015-2020
12	Dự án nhà máy sản xuất than đen	Miền Nam	115.000 tấn/năm	2015-2020
II	Giai đoạn 2021 - 2025			
13	Nhà máy sản xuất băng tải và dây cua-roa lõi sợi thép	Miền Trung	500.000 m ² băng tải; 1 triệu m cua-roa/năm	2021-2025
14	Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất lốp xe tải radial lên 600.000 lốp/năm (**)	Miền Bắc	600.000 lốp/năm	2021-2025
III	Giai đoạn 2026 – 2035			
15	Nhà máy sản xuất lốp ô tô radial (phương án)	Miền Nam	12-15 triệu lốp/năm	2026-2035
16	Nhà máy sản xuất băng tải và dây cua-roa lõi sợi thép (phương án)	Miền Nam	1 triệu m ² băng tải; 2 triệu m cua-roa/năm	2026-2035

(*) Quy mô, vốn đầu tư, địa điểm xây dựng của dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư cho phù hợp với thực tế.

(**) Các dự án chưa có trong "Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030".